

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
29	TA2604029	Thí sinh tự do	Lê Thanh	Dương	10/10/1999	18,0	15,0	25,0	20,0	78,0	
30	TA2604030	21810650348	Ngô Mạnh	Dương	07/04/2003	20,0	15,0	28,5	21,0	84,5	
31	TA2604031	21810430567	Ngô Văn	Đạm	12/03/2003	21,0	14,0	29,0	21,0	85,0	
32	TA2604032	20810410039	Cần Ngọc	Đạt	26/08/2002	25,0	16,0	30,0	24,0	95,0	
33	TA2604033	24810310085	Đặng Thành	Đạt	19/12/2006	21,0	15,0	30,0	17,0	83,0	
34	TA2604034	21810210051	Lê Thành	Đạt	04/05/2003	15,0	15,0	25,0	14,0	69,0	
35	TA2604035	19810340469	Lê Việt	Đạt	12/08/2001	25,0	17,0	24,0	18,0	84,0	
36	TA2604036	19810710160	Ngô Minh	Đạt	12/07/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
37	TA2604037	21810990261	Nguyễn Tiên	Đạt	16/06/2003	18,0	16,0	30,0	17,0	81,0	
38	TA2604038	20810710285	Nguyễn Thành	Đạt	29/01/2002	22,0	16,0	15,5	21,0	74,5	
39	TA2604039	21810110144	Vũ Thành	Đạt	25/08/2003	24,0	15,0	25,5	21,0	85,5	
40	TA2604040	21810610019	Trần Minh	Đặng	07/02/2003	13,0	15,0	29,0	17,0	74,0	
41	TA2604041	20819110081	Nguyễn Xuân	Điệp	03/02/2002	15,0	12,0	29,0	17,0	73,0	
42	TA2604042	21810990262	Đào Văn	Đoàn	17/05/2003	15,0	12,0	28,5	17,0	72,5	
43	TA2604043	21810110505	Lý Đình	Độ	12/11/2003	15,0	13,0	29,0	19,0	76,0	
44	TA2604044	19810310176	Vũ Quang	Đông	22/06/2001	15,0	15,0	30,0	24,0	84,0	
45	TA2604045	20810430289	Cao Trung	Đức	25/05/2002	17,0	14,0	30,0	23,0	84,0	
46	TA2604046	21810230479	Đào Quang	Đức	01/09/2003	15,0	13,0	26,5	16,0	70,5	
47	TA2604047	20810610016	Đỗ Văn	Đức	27/10/2002	21,0	14,0	30,0	24,0	89,0	
48	TA2604048	24810620135	Đông Anh	Đức	03/06/2006	8,0	14,0	30,0	15,0	67,0	
49	TA2604049	21810110393	Hoàng Văn	Đức	12/06/2003	6,0	14,0	27,5	17,0	64,5	
50	TA2604050	21810310021	Nguyễn Minh	Đức	23/07/2003	9,0	17,0	30,0	21,0	77,0	
51	TA2604051	21810620401	Nguyễn Trung	Đức	08/09/2003	12,0	15,0	30,0	16,0	73,0	
52	TA2604052	21810310661	Phan Minh	Đức	20/09/2003	5,0	13,0	8,5	5,0	31,5	
53	TA2604053	21810620378	Nguyễn Đức	Hà	11/04/2003	24,0	14,0	28,5	23,0	89,5	
54	TA2604054	24810170426	Đặng Đình	Hải	31/08/2006	24,0	14,0	30,0	19,0	87,0	
55	TA2604055	18810310362	Lê Duy	Hải	05/09/2000	25,0	17,0	14,5	10,0	66,5	
56	TA2604056	21810310567	Phạm Đăng	Hải	27/11/2003	25,0	14,0	18,0	17,0	74,0	
57	TA2604057	24810170007	Trần Ngọc	Hải	22/09/2006	24,0	14,0	29,0	21,0	88,0	
58	TA2604058	21810510026	Nguyễn Thu	Hằng	05/10/2003	20,0	15,0	7,5	14,0	56,5	
59	TA2604059	23810640046	Nguyễn Đức	Hiệp	03/01/2005	0,0	17,0	0,0	0,0	17,0	
60	TA2604060	21810610053	Đông Trọng	Hiếu	10/11/2003	21,0	17,0	25,0	16,0	79,0	
61	TA2604061	20810230066	Lã Quang	Hiếu	26/09/2002	23,0	18,0	25,0	19,0	85,0	
62	TA2604062	21810710044	Lâm Quang	Hiếu	15/12/2003	12,0	15,0	26,5	21,0	74,5	
63	TA2604063	23819150041	Nguyễn Quang	Hiếu	26/10/2005	22,0	16,0	23,0	9,0	70,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
64	TA2604064	21810230039	Nguyễn Trung	Hiếu	02/05/2003	25,0	16,0	22,5	24,0	87,5	
65	TA2604065	21810310638	Tạ Trần Trung	Hiếu	06/02/2003	25,0	15,0	25,5	18,0	83,5	
66	TA2604066	1781510030	Trương Minh	Hiệu	08/07/1999	21,0	16,0	29,0	16,0	82,0	
67	TA2604067	21810610023	Đặng Văn	Hoàng	01/06/2003	22,0	15,0	28,5	15,0	80,5	
68	TA2604068	20810410051	Lê Việt	Hoàng	12/12/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
69	TA2604069	21810630005	Nguyễn Hữu	Hoàng	09/03/2003	22,0	14,0	16,5	22,0	74,5	
70	TA2604070	21810310531	Phan Xuân	Hoàng	04/12/2003	25,0	14,0	28,5	15,0	82,5	
71	TA2604071	20810000079	Trần Thị	Huế	06/12/2002	25,0	14,0	30,0	21,0	90,0	
72	TA2604072	23810410203	Phạm Thanh	Hùng	16/01/2005	25,0	14,0	28,5	24,0	91,5	
73	TA2604073	21810180334	Vũ Văn	Hùng	06/11/2003	25,0	15,0	30,0	24,0	94,0	
74	TA2604074	21810410420	Đào Quang	Huy	04/11/2003	25,0	17,0	29,0	21,0	92,0	
75	TA2604075	21710110020	Kiều Quang	Huy	02/08/1999	25,0	12,0	25,5	19,0	81,5	
76	TA2604076	21810110181	Nguyễn Bùi Xuân	Huy	28/03/2003	15,0	16,0	20,5	22,0	73,5	
77	TA2604077	21810430605	Nguyễn Ngọc	Huy	19/01/2003	25,0	12,0	19,5	24,0	80,5	
78	TA2604078	21810310425	Nguyễn Quang	Huy	19/02/2003	17,0	14,0	19,0	14,0	64,0	
79	TA2604079	21810180332	Nguyễn Quốc	Huy	02/07/2003	23,0	18,0	27,5	19,0	87,5	
80	TA2604080	21810440477	Trần Quang	Huy	18/12/2003	7,0	15,0	30,0	18,0	70,0	
81	TA2604081	22810230033	Võ Quốc	Huy	13/02/2004	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
82	TA2604082	23810670070	Lê Quang	Hung	24/07/2005	0,0	11,0	0,0	0,0	11,0	
83	TA2604083	21810310441	Nguyễn Quang	Hung	16/09/2003	20,0	13,0	30,0	24,0	87,0	
84	TA2604084	21810630026	Nguyễn Quang	Hữu	07/03/2003	10,0	11,0	26,5	19,0	66,5	
85	TA2604085	24810540249	Lê Đức	Kiên	27/12/2006	11,0	13,0	0,0	8,0	32,0	
86	TA2604086	18810320704	Trần Trung	Kiên	22/11/2000	10,0	14,0	29,0	16,0	69,0	
87	TA2604087	21810310125	Đỗ Văn	Khải	06/07/2003	10,0	13,0	15,5	11,0	49,5	
88	TA2604088	21810640322	Nguyễn Tiến	Khang	22/04/2003	8,0	12,0	11,0	12,0	43,0	
89	TA2604089	21810110194	Áu Duy	Khánh	14/10/2003	10,0	14,0	13,5	20,0	57,5	
90	TA2604090	21810620565	Nguyễn Công Long	Khánh	22/03/2002	21,0	14,0	13,5	17,0	65,5	
91	TA2604091	21810170273	Nguyễn Đức	Khiêm	31/03/2003	19,0	11,0	25,0	22,0	77,0	
92	TA2604092	24810430121	Lê Danh	Lâm	01/10/2006	21,0	13,0	27,5	19,0	80,5	
93	TA2604093	23810540103	Mai Thành	Lập	12/07/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
94	TA2604094	20810230136	Nguyễn Thị Hồng	Liên	04/07/2002	19,0	16,0	0,0	5,0	40,0	
95	TA2604095	21810310018	Nguyễn Ngọc	Linh	28/12/2003	9,0	17,0	24,0	20,0	70,0	
96	TA2604096	21810260049	Trần Khánh	Linh	06/09/2003	10,0	17,0	28,5	20,0	75,5	
97	TA2604097	21810230440	Phạm Thị Thanh	Loan	15/09/2003	19,0	14,0	14,5	20,0	67,5	
98	TA2604098	21810110527	Diệu Hải	Long	28/04/2003	11,0	16,0	16,5	19,0	62,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
99	TA2604099	21810110475	Mai Thế	Long	22/03/2003	6,0	13,0	14,5	20,0	53,5	
100	TA2604100	18810310245	Nguyễn Hoàng	Long	22/02/2000	15,0	19,0	24,0	18,0	76,0	
101	TA2604101	24810540010	Nguyễn Văn	Long	06/08/2006	25,0	16,0	22,5	21,0	84,5	
102	TA2604102	21810510539	Nguyễn Văn	Long	27/07/2003	23,0	10,0	12,0	13,0	58,0	
103	TA2604103	21810230412	Trần Xuân	Long	26/04/2003	15,0	17,0	6,0	22,0	60,0	
104	TA2604104	21810210012	Nguyễn Phú	Lộc	12/01/2003	25,0	18,0	14,5	21,0	78,5	
105	TA2604105	21810620542	Bùi Quốc	Lung	16/05/2002	24,0	15,0	12,0	19,0	70,0	
106	TA2604106	24810410046	Trần Văn	Lương	25/09/2006	9,0	12,0	23,0	19,0	63,0	
107	TA2604107	20810720050	Ngô Đức	Mạnh	15/06/2002	21,0	15,0	11,0	19,0	66,0	
108	TA2604108	20810540042	Trần Ngọc	Mạnh	26/12/2002	18,0	13,0	10,5	16,0	57,5	
109	TA2604109	21810110325	Trần Công	Minh	07/07/2003	18,0	15,0	21,5	21,0	75,5	
110	TA2604110	21810170465	Lù Thành	Nam	05/11/2003	5,0	18,0	7,5	17,0	47,5	
111	TA2604111	22810260110	Nguyễn Đức	Nam	16/09/2004	8,0	13,0	14,5	14,0	49,5	
112	TA2604112	21810110472	Nguyễn Hữu Hoài	Nam	04/03/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
113	TA2604113	21810310086	Nguyễn Phương	Nam	07/10/2003	24,0	15,0	22,5	21,0	82,5	
114	TA2604114	21810310658	Dương Thị	Nga	07/03/2003	14,0	14,0	28,5	22,0	78,5	
115	TA2604115	21810210011	Nguyễn Mai Hiếu	Ngân	09/10/2003	20,0	16,0	23,0	20,0	79,0	
116	TA2604116	Thí sinh tự do	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	20/09/1990	8,0	14,0	9,5	9,0	40,5	
117	TA2604117	21810610048	Phan Trọng	Nhân	22/01/2003	25,0	15,0	30,0	22,0	92,0	
118	TA2604118	21810110063	Nguyễn Đức	Phong	10/06/2003	8,0	10,0	30,0	8,0	56,0	
119	TA2604119	24810620057	Nguyễn Văn	Phong	01/02/2006	7,0	12,0	27,5	4,0	50,5	
120	TA2604120	21810110102	Đặng Đình	Phúc	26/07/2003	8,0	14,0	28,5	2,0	52,5	
121	TA2604121	19810170235	Vũ Ngọc	Phúc	05/07/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
122	TA2604122	21810410027	Lại Duy	Phương	16/08/2003	6,0	13,0	30,0	10,0	59,0	
123	TA2604123	20810000026	Nguyễn Đặng Xuân	Phương	03/11/2002	17,0	16,0	24,0	15,0	72,0	
124	TA2604124	21810310633	Nguyễn Đức	Quang	24/05/2003	12,0	13,0	14,5	14,0	53,5	
125	TA2604125	21810410033	Nguyễn Ngọc	Quang	18/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
126	TA2604126	18810420140	Nguyễn Văn	Quang	20/09/2000	11,0	16,0	29,0	16,0	72,0	
127	TA2604127	21810620029	Trần Đức	Quang	27/02/2003	16,0	12,0	30,0	17,0	75,0	
128	TA2604128	21810680387	Lê Anh	Quân	19/11/2003	15,0	10,0	29,0	20,0	74,0	
129	TA2604129	19810000118	Phạm Ngọc	Quân	28/09/2001	14,0	15,0	26,5	19,0	74,5	
130	TA2604130	21810230461	Nguyễn Ngọc	Quý	15/02/2003	13,0	16,0	29,0	21,0	79,0	
131	TA2604131	21810630352	Đinh Văn	Quyền	17/03/2003	12,0	16,0	26,5	20,0	74,5	
132	TA2604132	21810620019	Nguyễn Văn	Quyền	29/06/2003	12,0	13,0	30,0	11,0	66,0	
133	TA2604133	21810410061	Đặng Ngọc	Sơn	15/03/2003	17,0	16,0	28,5	19,0	80,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
134	TA2604134	18810310680	Nguyễn Hoàng	Son	22/09/2000	25,0	16,0	27,5	20,0	88,5	
135	TA2604135	21810430715	Phạm Minh	Son	09/12/2003	24,0	16,0	29,0	18,0	87,0	
136	TA2604136	21710110032	Vũ Thanh	Son	14/08/1998	11,0	14,0	28,5	21,0	74,5	
137	TA2604137	19810310091	Bùi Đức	Tâm	23/02/2001	4,0	17,0	19,5	14,0	54,5	
138	TA2604138	21810620083	Nguyễn Trọng	Tấn	10/12/2003	8,0	16,0	0,0	9,0	33,0	
139	TA2604139	19810310361	Đoàn Trọng	Tiến	26/10/2001	24,0	18,0	14,5	20,0	76,5	
140	TA2604140	20810430277	Ngô Văn	Tiến	27/08/2002	2,0	13,0	0,0	1,0	16,0	
141	TA2604141	19810430246	Đặng Khánh	Toàn	05/06/2001	13,0	16,0	30,0	20,0	79,0	
142	TA2604142	19810000074	Bùi Thanh	Tú	23/07/2000	6,0	16,0	19,0	8,0	49,0	
143	TA2604143	24810110250	Đinh Ngọc	Tú	24/10/2006	8,0	16,0	27,5	19,0	70,5	
144	TA2604144	21810630003	Nguyễn Vũ Anh	Tú	09/12/2003	9,0	15,0	26,5	19,0	69,5	
145	TA2604145	20810430396	Đông Minh	Tuấn	13/10/2002	16,0	16,0	29,0	21,0	82,0	
146	TA2604146	21810680402	Lê Trọng Mạnh	Tuấn	15/07/2003	7,0	15,0	26,5	16,0	64,5	
147	TA2604147	19810000038	Nguyễn Cảnh	Tuấn	16/10/2001	12,0	7,0	18,0	11,0	48,0	
148	TA2604148	20810110214	Nguyễn Công	Tuấn	18/05/2002	25,0	15,0	26,5	21,0	87,5	
149	TA2604149	21810610024	Trần Hoàng	Tuấn	02/02/2003	25,0	16,0	25,0	21,0	87,0	
150	TA2604150	24810840122	Tạ Thanh	Tùng	10/06/2006	14,0	15,0	25,5	17,0	71,5	
151	TA2604151	21810430443	Phạm Ngọc	Thạch	03/01/2003	25,0	15,0	25,0	20,0	85,0	
152	TA2604152	21810610489	Đỗ Duy	Thái	12/12/2003	23,0	14,0	13,0	20,0	70,0	
153	TA2604153	24810310001	Nguyễn Kim	Thành	13/06/2006	5,0	16,0	21,5	19,0	61,5	
154	TA2604154	21810710139	Lê Thị	Thảo	14/10/2003	12,0	15,0	16,5	13,0	56,5	
155	TA2604155	19810310089	Nguyễn Duy	Thắng	27/07/2001	12,0	14,0	0,0	0,0	26,0	
156	TA2604156	24810310159	Trần Mạnh	Thắng	10/04/2006	14,0	17,0	15,5	19,0	65,5	
157	TA2604157	21810310560	Vũ Đức	Thắng	14/10/2003	24,0	13,0	19,5	17,0	73,5	
158	TA2604158	21810350548	Trần Khánh	Thiện	09/01/2003	7,0	10,0	29,0	10,0	56,0	
159	TA2604159	21810110319	Lý Quang	Thịnh	09/10/2003	19,0	13,0	27,5	20,0	79,5	
160	TA2604160	21810180562	Nguyễn Tiến	Thịnh	28/03/2002	25,0	15,0	24,0	21,0	85,0	
161	TA2604161	23810230127	Nguyễn Trọng	Thuận	24/02/2005	0,0	11,0	0,0	0,0	11,0	
162	TA2604162	20810850042	Nguyễn Thu	Trà	09/05/2002	12,0	18,0	26,5	21,0	77,5	
163	TA2604163	21810340521	Nguyễn Xuân	Trà	29/12/2003	19,0	7,0	29,0	18,0	73,0	
164	TA2604164	19810720019	Lê Bảo	Trúc	07/06/2001	25,0	16,0	27,5	22,0	90,5	
165	TA2604165	21810110080	Thân Chí	Trung	28/09/2003	8,0	15,0	11,0	17,0	51,0	
166	TA2604166	21810620014	Nguyễn Công	Trương	27/12/2003	23,0	15,0	30,0	20,0	88,0	
167	TA2604167	24819120091	Tô Đình	Trương	20/08/2006	15,0	14,0	0,0	21,0	50,0	VPQC kỹ năng đọc
168	TA2604168	21810710107	Trần Thị Hải	Vân	12/11/2003	14,0	16,0	20,5	21,0	71,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
169	TA2604169	21810310077	Lê Thế	Việt	23/05/2003	13,0	15,0	23,0	18,0	69,0	
170	TA2604170	21810110229	Nguyễn Xuân	Việt	17/03/2003	12,0	16,0	26,5	17,0	71,5	
171	TA2604171	21810620546	Lê Quang	Vinh	24/10/2003	21,0	15,0	19,0	23,0	78,0	
172	TA2604172	21810110116	Phạm Quang	Vinh	07/10/2003	8,0	13,0	10,5	10,0	41,5	
173	TA2604173	21819120189	Nguyễn Chí	Vũ	26/09/2003	22,0	18,0	18,0	22,0	80,0	
174	TA2604174	21810410056	Hà Thái	Vương	30/04/2003	12,0	15,0	28,5	19,0	74,5	
175	TA2604175	21810630014	Dương Trường	An	05/08/2003	17,0	15,0	26,5	21,0	79,5	
176	TA2604176	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	8,0	16,0	30,0	7,0	61,0	
177	TA2604177	21810620015	Dương Hải	Anh	16/10/2003	12,0	20,0	21,5	18,0	71,5	
178	TA2604178	21810340538	Đỗ Hoàng	Anh	31/10/2003	16,0	13,0	28,5	22,0	79,5	
179	TA2604179	21810410736	Hoàng Nguyễn Thế	Anh	07/02/2003	19,0	19,0	19,5	20,0	77,5	
180	TA2604180	21810310565	Lã Tiên	Anh	13/12/2003	17,0	18,0	19,0	15,0	69,0	
181	TA2604181	24810310082	Lưu Quang	Anh	15/05/2006	13,0	15,0	26,5	19,0	73,5	
182	TA2604182	18810310253	Nguyễn Đình Việt	Anh	08/11/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
183	TA2604183	20810540036	Nguyễn Phan	Anh	26/11/2002	11,0	19,0	23,0	15,0	68,0	
184	TA2604184	21810410070	Nguyễn Thế	Anh	26/04/2003	14,0	18,0	24,0	16,0	72,0	
185	TA2604185	20810310545	Trần Minh	Anh	31/08/2002	16,0	18,0	17,0	10,0	61,0	
186	TA2604186	Thí sinh tự do	Trần Tuấn	Anh	05/11/1992	18,0	18,0	23,0	8,0	67,0	
187	TA2604187	20810420028	Vũ Hoàng	Anh	03/12/2002	17,0	20,0	24,0	22,0	83,0	
188	TA2604188	21810310054	Phạm Xuân	Bách	03/09/2003	11,0	16,0	25,5	17,0	69,5	
189	TA2604189	21810440727	Nguyễn Thế	Bảo	17/05/2003	0,0	18,0	0,0	0,0	18,0	
190	TA2604190	21810610091	Lương Bắc Nguyên	Bình	31/08/2003	20,0	17,0	27,5	20,0	84,5	
191	TA2604191	1781610068	Phạm Nghĩa	Bình	13/08/1996	20,0	16,0	17,0	17,0	70,0	
192	TA2604192	20810310409	Bùi Văn	Cao	29/01/2002	16,0	16,0	17,0	21,0	70,0	
193	TA2604193	23810230247	Nguyễn Đình	Công	19/04/2005	0,0	20,0	0,0	0,0	20,0	
194	TA2604194	2162010025	Đào Phú	Cường	04/06/1994	14,0	15,0	24,0	17,0	70,0	
195	TA2604195	24810610056	Vũ Văn	Chiến	25/10/2006	12,0	16,0	30,0	16,0	74,0	
196	TA2604196	21810410678	Đoàn Văn	Doanh	19/07/2003	10,0	16,0	28,5	9,0	63,5	
197	TA2604197	2162010027	Nguyễn Thị Thanh	Dung	11/02/1991	8,0	15,0	7,5	1,0	31,5	
198	TA2604198	19810000020	Hà Anh	Dũng	19/10/2001	12,0	14,0	9,5	17,0	52,5	
199	TA2604199	21810230388	Vũ Quốc	Dũng	05/03/2003	13,0	16,0	29,0	19,0	77,0	
200	TA2604200	20810230040	Bùi Bá	Duy	16/07/2002	10,0	17,0	26,5	20,0	73,5	
201	TA2604201	23810860040	Phùng Đức	Duy	06/12/2004	9,0	14,0	25,5	16,0	64,5	
202	TA2604202	21810610043	Vũ Đức	Duy	07/07/2003	13,0	14,0	23,0	20,0	70,0	
203	TA2604203	24810810134	Đàm Thị Thùy	Dương	06/10/2006	13,0	13,0	19,0	20,0	65,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
204	TA2604204	20810820054	Nguyễn Thuỳ	Dương	28/05/2002	11,0	18,0	28,5	21,0	78,5	
205	TA2604205	21810310456	Nguyễn Văn	Đạo	19/10/2003	8,0	17,0	17,0	16,0	58,0	
206	TA2604206	21810610471	Dương Thành	Đạt	10/11/2003	14,0	16,0	23,0	20,0	73,0	
207	TA2604207	24810540232	Đoàn Thành	Đạt	05/08/2006	12,0	15,0	18,0	20,0	65,0	
208	TA2604208	21810410136	Đông Quang	Đạt	05/08/2003	12,0	13,0	26,5	18,0	69,5	
209	TA2604209	21810310512	Mai Đình	Đạt	20/05/2003	13,0	19,0	25,5	16,0	73,5	
210	TA2604210	21810640307	Nguyễn Quang	Đạt	18/02/2003	13,0	13,0	19,0	18,0	63,0	
211	TA2604211	19810310611	Nguyễn Thành	Đạt	07/06/1999	11,0	17,0	12,0	9,0	49,0	
212	TA2604212	21810650313	Phạm Thành	Đạt	11/03/2003	13,0	18,0	27,5	19,0	77,5	
213	TA2604213	21810660418	Vũ Đình	Đạt	06/04/2003	10,0	13,0	24,0	2,0	49,0	
214	TA2604214	21810540424	Vương Quốc	Đạt	29/06/2003	11,0	13,0	25,0	3,0	52,0	
215	TA2604215	21810110404	Trịnh Hải	Đặng	15/10/2003	10,0	19,0	20,5	18,0	67,5	
216	TA2604216	21810610500	Trần Như	Đoan	26/11/2003	10,0	15,0	21,5	14,0	60,5	
217	TA2604217	21810680417	Trương Đăng	Đô	21/01/2003	10,0	14,0	27,5	15,0	66,5	
218	TA2604218	21810110122	Vũ Đức	Độ	01/11/2003	10,0	11,0	16,5	2,0	39,5	
219	TA2604219	21810310631	Lê Huy	Đồng	03/11/2003	6,0	18,0	19,0	3,0	46,0	
220	TA2604220	21810510093	Cao Văn	Đức	08/06/2003	6,0	17,0	19,0	19,0	61,0	
221	TA2604221	21810410121	Hoàng Anh	Đức	15/08/2003	9,0	19,0	26,5	18,0	72,5	
222	TA2604222	Thí sinh tự do	Ngô Thế	Đức	08/11/1995	15,0	18,0	17,0	16,0	66,0	
223	TA2604223	21810230048	Nguyễn Bắc	Đức	13/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
224	TA2604224	20810410066	Nguyễn Minh	Đức	25/10/2002	9,0	14,0	23,0	19,0	65,0	
225	TA2604225	21810110002	Phạm Minh	Đức	28/07/2003	11,0	15,0	20,5	20,0	66,5	
226	TA2604226	19810410053	Nguyễn Trường	Giang	28/11/2001	13,0	8,0	25,0	4,0	50,0	
227	TA2604227	Thí sinh tự do	Nguyễn Văn	Hà	26/06/1988	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
228	TA2604228	24810170094	Đieu Đức	Hải	29/07/2006	10,0	8,0	27,5	15,0	60,5	
229	TA2604229	18810310354	Ngô Quang	Hải	29/09/2000	13,0	19,0	28,5	14,0	74,5	
230	TA2604230	21810430603	Nguyễn Đức	Hải	02/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
231	TA2604231	Thí sinh tự do	Trần Đăng	Hải	12/11/1995	12,0	10,0	21,5	21,0	64,5	
232	TA2604232	19810720090	Nguyễn Thị	Hạnh	10/06/2001	12,0	13,0	26,5	21,0	72,5	
233	TA2604233	24810630058	Hoàng Văn	Hậu	07/05/2006	12,0	9,0	29,0	19,0	69,0	
234	TA2604234	23810860013	Cao Đức	Hiếu	16/09/2005	8,0	14,0	24,0	18,0	64,0	
235	TA2604235	21810310333	Hoàng Xuân	Hiếu	02/08/2003	8,0	17,0	30,0	17,0	72,0	
236	TA2604236	21810310625	Nguyễn Minh	Hiếu	21/10/2003	5,0	15,0	30,0	8,0	58,0	
237	TA2604237	24810820001	Nguyễn Trung	Hiếu	06/08/2006	9,0	17,0	20,5	18,0	64,5	
238	TA2604238	21810110536	Nguyễn Văn	Hiếu	13/04/2003	6,0	11,0	28,5	18,0	63,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
239	TA2604239	23810640026	Trần Đào Trung	Hiếu	03/06/2005	0,0	12,0	0,0	0,0	12,0	
240	TA2604240	21810110486	Vũ Ngọc	Hoà	24/11/2003	5,0	11,0	22,5	18,0	56,5	
241	TA2604241	21810310151	Bùi Huy	Hoàng	13/06/2003	6,0	3,0	22,5	17,0	48,5	
242	TA2604242	21810410483	Nguyễn Đức	Hoàng	14/05/2003	8,0	15,0	27,5	7,0	57,5	
243	TA2604243	21810110041	Phạm Việt	Hoàng	07/06/2003	0,0	4,0	0,0	0,0	4,0	
244	TA2604244	21810680378	Vũ Minh	Hoàng	24/06/2003	8,0	16,0	11,0	8,0	43,0	
245	TA2604245	21819150367	Phạm Quang	Huân	27/02/2003	9,0	8,0	22,5	14,0	53,5	
246	TA2604246	21810110008	Nguyễn Văn	Hùng	25/05/2003	0,0	4,0	0,0	0,0	4,0	
247	TA2604247	21810620522	Bùi Quang	Huy	01/03/2003	9,0	11,0	29,0	12,0	61,0	
248	TA2604248	21810710155	Đình Quang	Huy	21/07/2003	9,0	16,0	30,0	12,0	67,0	
249	TA2604249	21810430747	Lưu Văn	Huy	22/12/2003	9,0	16,0	30,0	2,0	57,0	
250	TA2604250	21810610006	Nguyễn Gia	Huy	12/03/2003	8,0	9,0	30,0	6,0	53,0	
251	TA2604251	21810680375	Nguyễn Quang	Huy	28/02/2003	8,0	8,0	23,0	4,0	43,0	
252	TA2604252	21810640363	Nguyễn Quang	Huy	10/10/2003	14,0	10,0	23,0	18,0	65,0	
253	TA2604253	24810710071	Nguyễn Quang	Huy	22/02/2006	13,0	10,0	30,0	19,0	72,0	
254	TA2604254	21810430407	Phạm Quang	Huy	01/08/2003	11,0	18,0	27,5	19,0	75,5	
255	TA2604255	18810310496	Trịnh Nhật	Huy	21/11/2000	9,0	16,0	22,5	19,0	66,5	
256	TA2604256	20810160482	Vũ Quang	Huy	23/08/1999	9,0	14,0	21,5	12,0	56,5	
257	TA2604257	21810310551	Mai Duy	Hung	29/10/2003	5,0	15,0	25,0	12,0	57,0	
258	TA2604258	21810310382	Trần Tuấn	Hung	20/11/2003	11,0	15,0	23,0	18,0	67,0	
259	TA2604259	23810640020	Đỗ Trung	Kiên	03/12/2005	0,0	14,0	0,0	0,0	14,0	
260	TA2604260	21810310037	Nguyễn Mạnh	Kiên	29/03/2003	11,0	19,0	24,0	19,0	73,0	
261	TA2604261	Thí sinh tự do	Trương Ngọc	Kiên	06/07/1986	8,0	17,0	23,0	15,0	63,0	
262	TA2604262	18819120009	Nguyễn Đình	Khải	07/10/2000	13,0	12,0	29,0	8,0	62,0	
263	TA2604263	21810110077	Ngô Bảo	Khanh	13/04/2003	12,0	11,0	12,0	21,0	56,0	
264	TA2604264	24810170334	Đặng Duy	Khánh	25/03/2006	14,0	15,0	14,5	21,0	64,5	
265	TA2604265	20810000119	Nguyễn Quốc	Khánh	24/09/2002	10,0	11,0	27,5	21,0	69,5	
266	TA2604266	24810180034	Vũ Đức	Khuong	17/02/2006	24,0	18,0	10,5	19,0	71,5	
267	TA2604267	21810680484	Nguyễn Tùng	Lâm	24/08/2003	13,0	13,0	19,0	21,0	66,0	
268	TA2604268	21810630013	Nguyễn Duy	Linh	22/11/2003	14,0	10,0	14,5	13,0	51,5	
269	TA2604269	21810320621	Nguyễn Văn	Linh	05/11/2003	14,0	10,0	13,0	19,0	56,0	
270	TA2604270	21810520538	Vương Thị Thùy	Linh	30/09/2003	13,0	15,0	20,5	14,0	62,5	
271	TA2604271	21810820139	Vũ Thị Bích	Loan	11/05/2003	9,0	12,0	0,0	8,0	29,0	
272	TA2604272	20810710251	Nguyễn Đức	Long	27/11/2002	5,0	17,0	0,0	10,0	32,0	
273	TA2604273	21810610013	Nguyễn Thành	Long	13/09/2003	10,0	16,0	28,5	14,0	68,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
274	TA2604274	21810680404	Nguyễn Văn	Long	12/12/2003	11,0	10,0	17,0	1,0	39,0	
275	TA2604275	19810710103	Nguyễn Xuân	Long	31/07/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
276	TA2604276	21810110096	Nguyễn Xuân	Lộc	16/07/2003	8,0	16,0	24,0	18,0	66,0	
277	TA2604277	21819150371	Trần Đức	Lương	17/10/2003	12,0	14,0	13,5	12,0	51,5	
278	TA2604278	21810310645	Trần Thị	Lương	05/05/2003	5,0	15,0	13,5	17,0	50,5	
279	TA2604279	23810230088	Phạm Thị Hải	Lý	24/02/2005	5,0	15,0	24,0	19,0	63,0	
280	TA2604280	24810170434	Đào Tiên	Mạnh	28/02/2006	5,0	11,0	23,0	16,0	55,0	
281	TA2604281	24810520273	Ngô Đức	Mạnh	15/02/2006	5,0	15,0	13,0	16,0	49,0	
282	TA2604282	21810310576	Vũ Thế	Mạnh	17/07/2003	5,0	15,0	19,5	17,0	56,5	
283	TA2604283	21810680507	Trịnh Duy	Minh	18/09/2003	5,0	10,0	15,5	14,0	44,5	
284	TA2604284	24810410097	Ngô Dương Khánh	Nam	23/08/2006	5,0	15,0	23,0	11,0	54,0	
285	TA2604285	20810540020	Nguyễn Hoài	Nam	06/06/2002	15,0	18,0	26,5	17,0	76,5	
286	TA2604286	24810620086	Nguyễn Hoài	Nam	19/10/2006	12,0	11,0	19,5	5,0	47,5	
287	TA2604287	21810110259	Nguyễn Khánh	Nam	28/06/2003	12,0	11,0	0,0	5,0	28,0	
288	TA2604288	21810110032	Trần Hùng	Nam	01/03/2003	14,0	8,0	17,0	14,0	53,0	
289	TA2604289	21810230068	Trần Thị Hằng	Nga	11/09/2003	11,0	17,0	23,0	4,0	55,0	
290	TA2604290	21810810110	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	12/12/2003	13,0	15,0	19,0	3,0	50,0	
291	TA2604291	21810410662	Trương Văn	Nhâm	05/05/2002	16,0	11,0	23,0	18,0	68,0	
292	TA2604292	24810820097	Nguyễn Việt Linh	Nhật	29/05/2006	10,0	19,0	22,5	9,0	60,5	
293	TA2604293	21810310123	Nguyễn Tuấn	Phong	26/02/2003	6,0	17,0	23,0	18,0	64,0	
294	TA2604294	24810620056	Cao Văn	Phúc	17/05/2006	7,0	14,0	20,5	2,0	43,5	
295	TA2604295	19810310126	Phan Minh	Phúc	08/03/2001	8,0	10,0	0,0	15,0	33,0	
296	TA2604296	21810310157	Vũ Nhật	Phúc	13/03/2003	9,0	12,0	14,5	10,0	45,5	
297	TA2604297	21810310048	Ngô Hùng	Phương	04/10/2003	9,0	19,0	24,0	11,0	63,0	
298	TA2604298	23810640037	Nguyễn Đình	Quang	14/02/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
299	TA2604299	23810640029	Nguyễn Minh	Quang	04/12/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
300	TA2604300	21810180302	Nguyễn Việt	Quang	28/05/2003	7,0	14,0	30,0	16,0	67,0	
301	TA2604301	21810110065	Bùi Minh	Quân	25/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
302	TA2604302	20810710006	Nguyễn Minh	Quân	08/07/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
303	TA2604303	19810430072	Nguyễn Thế	Quân	15/08/2001	9,0	14,0	20,5	13,0	56,5	
304	TA2604304	24810310143	Đông Văn	Quốc	03/10/2006	9,0	16,0	25,0	17,0	67,0	
305	TA2604305	21810430390	Nguyễn Ngọc	Quý	30/10/2003	9,0	12,0	23,0	15,0	59,0	
306	TA2604306	21810310445	Nguyễn Quang	Quyền	14/11/2003	8,0	16,0	23,0	17,0	64,0	
307	TA2604307	21810710395	Lê Diễm	Quỳnh	09/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
308	TA2604308	21810510463	Phạm Hồng	Sơn	03/04/2003	10,0	15,0	25,0	17,0	67,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
309	TA2604309	21810410065	Phạm Ngọc	Son	26/11/2003	0,0	17,0	26,5	0,0	43,5	
310	TA2604310	21810620500	Nguyễn Công	Tạn	24/09/2003	14,0	14,0	27,5	16,0	71,5	
311	TA2604311	21810410095	Giang Nhật	Tân	07/12/2003	8,0	13,0	13,0	8,0	42,0	
312	TA2604312	23810630028	Đoàn Mạnh	Tiến	10/02/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
313	TA2604313	21810610070	Lương Đức	Tiến	26/06/2003	4,0	13,0	14,5	13,0	44,5	
314	TA2604314	21810440589	Nguyễn Duy	Tính	07/04/2003	10,0	16,0	26,5	19,0	71,5	
315	TA2604315	19810000147	Nguyễn Hữu	Toàn	09/03/2001	9,0	15,0	30,0	19,0	73,0	
316	TA2604316	21810410012	Trần Mạnh	Toán	20/09/2003	9,0	0,0	19,5	13,0	41,5	
317	TA2604317	24810410057	Đào Minh	Tú	02/08/2006	11,0	14,0	25,0	13,0	63,0	
318	TA2604318	19810000342	Nguyễn Đình Tuấn	Tú	23/07/2001	12,0	19,0	20,5	18,0	69,5	
319	TA2604319	20810110157	Bùi Anh	Tuấn	28/07/2002	23,0	18,0	14,5	24,0	79,5	
320	TA2604320	21810610077	Lã Văn	Tuấn	01/03/2003	6,0	16,0	16,5	18,0	56,5	
321	TA2604321	24819120101	Lưu Thanh	Tuấn	08/10/2006	8,0	18,0	22,5	15,0	63,5	
322	TA2604322	21810620504	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/07/2000	3,0	12,0	25,0	18,0	58,0	
323	TA2604323	21819100008	Trần Anh	Tuấn	20/02/2003	8,0	8,0	20,5	18,0	54,5	
324	TA2604324	21810630025	Lê Văn	Tùng	03/07/2003	8,0	17,0	13,0	19,0	57,0	
325	TA2604325	24810220085	Trần Xuân	Tùng	12/07/2006	6,0	14,0	19,0	5,0	44,0	
326	TA2604326	20810160526	Bùi Duy	Thái	06/11/2002	8,0	16,0	20,5	19,0	63,5	
327	TA2604327	21810110470	Dương Danh	Thanh	13/02/2003	6,0	18,0	22,5	18,0	64,5	
328	TA2604328	21819140269	Tăng Xuân	Thành	28/03/2003	9,0	19,0	19,5	14,0	61,5	
329	TA2604329	20810230137	Hạ Quang	Thắng	15/10/2002	8,0	16,0	23,0	18,0	65,0	
330	TA2604330	21810660428	Nguyễn Đức	Thắng	12/07/2003	13,0	19,0	18,0	19,0	69,0	
331	TA2604331	20819110057	Vũ Đình	Thắng	23/10/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
332	TA2604332	23810630036	Nguyễn Văn	Thê	29/08/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
333	TA2604333	20810310370	Nguyễn Trọng	Thịnh	12/11/2002	7,0	17,0	13,5	6,0	43,5	
334	TA2604334	23810640021	Nguyễn Đình	Thông	08/03/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
335	TA2604335	21819140266	Nguyễn Thị	Thùy	11/05/2003	7,0	15,0	15,5	12,0	49,5	
336	TA2604336	21810110305	Nguyễn Đình Trung	Thực	28/01/2002	7,0	18,0	17,0	14,0	56,0	
337	TA2604337	21810230480	Nguyễn Thu	Trà	29/11/2002	7,0	14,0	13,0	7,0	41,0	
338	TA2604338	24810840154	Đặng Thùy	Trang	15/09/2006	7,0	16,0	16,5	12,0	51,5	
339	TA2604339	19810430070	Nguyễn Văn	Trung	01/05/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
340	TA2604340	21810680390	Bùi Đức	Trường	20/01/2003	7,0	17,0	21,5	14,0	59,5	
341	TA2604341	24810430060	Nguyễn Xuân	Trường	14/07/2006	8,0	17,0	26,5	15,0	66,5	
342	TA2604342	22810000066	Nguyễn Ngọc	Uyên	26/09/2004	11,0	20,0	19,5	11,0	61,5	
343	TA2604343	24810310611	Đặng Quốc	Việt	28/04/2006	10,0	17,0	25,5	7,0	59,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
344	TA2604344	19810000008	Nguyễn Quốc	Việt	21/07/2001	10,0	13,0	9,5	11,0	43,5	
345	TA2604345	21810990263	Nguyễn Thành	Vinh	17/01/2003	6,0	20,0	24,0	5,0	55,0	
346	TA2604346	24810510280	Đoàn Nguyên	Vũ	03/01/2006	6,0	16,0	16,5	16,0	54,5	
347	TA2604347	21810410051	Nguyễn Đức	Vũ	07/02/2003	5,0	12,0	12,0	14,0	43,0	
348	TA2604348	23810630059	Phùng Minh	Vương	03/05/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
349	TA2604349	21810640316	Sân Xe	Xá	08/08/2003	9,0	8,0	9,5	0,0	26,5	
350	TA2604350	20810430369	Đào Anh	Duy	05/11/2002	14,0	19,0	23,0	13,0	69,0	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 350 thí sinh